

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT quy định về quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT quy định định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND về việc quy định mức tiền xử phạt đối với một số hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1025/TTr-SNNMT ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội và văn bản số 11463/SNNMT-QLCTR ngày 25/12/2025.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định về việc Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày            tháng            năm 2026. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3.** Bãi bỏ các Quyết định sau:

1. Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường và các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đang sinh sống, hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Trường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, ĐDBQH và HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan Báo, Đài Thành phố;
- VP UBNDTP: CVP; các PCVP; TH; ĐT; KT; NNMT;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và Công nghệ số;
- Lưu: VT, NNMT <sub>(Hà)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Mạnh Quyền**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm  
2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Các nội dung quản lý chất thải rắn sinh hoạt chưa được quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định hiện hành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội; cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn cồng kềnh được quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) như sau: Là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây.

2. Chất thải nguy hại được quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (sau đây gọi tắt là Luật số 72/2020/QH14) như sau: Là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

3. Khu vực công cộng là nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người như: Công viên, đường phố, quảng trường; khu văn hoá, thể thao, vui chơi, giải trí, du lịch; khu kinh doanh dịch vụ, chợ, trung tâm thương mại; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, phương tiện vận tải hành khách công cộng; cơ sở lưu trú, nhà khách, nhà nghỉ, chung cư; trụ sở cơ quan, trụ sở làm việc và các khu vực công cộng khác.

4. Cộng đồng dân cư được quy định tại khoản 28 Điều 3 Luật số 72/2020/QH14 như sau: Là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tự trị trên địa bàn Thành phố.

5. Chủ dự án đầu tư được quy định tại khoản 38 Điều 3 Luật số 72/2020/QH14 như sau: Là chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

6. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt được quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT như sau: Là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

7. Trạm trung chuyển, điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt là nơi để tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt được thu gom từ nguồn phát sinh và điểm tập kết trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý.

8. Khu xử lý chất thải tập trung được quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT như sau: Là khu vực được quy hoạch để xử lý tập trung một hoặc nhiều loại chất thải bao gồm chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các loại chất thải rắn khác, trừ hoạt động đồng xử lý chất thải và xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm. Khu xử lý chất thải tập trung là một hoặc nhiều cơ sở xử lý chất thải, bãi chôn lấp.

9. Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển là đơn vị do chính quyền địa phương lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế để khai thác tối đa giá trị tài nguyên của chất thải rắn sinh hoạt.

3. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Thực hiện theo đúng phân cấp và quy định thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn.

## Chương II

### CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

#### **Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại tại nguồn thành 03 (ba) nhóm như sau:

1. Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế:

a) Giấy thải: Hộp, túi, lọ, ly, cốc bằng giấy; sách, truyện, vở, báo cũ, giấy viết,...; thùng, bì carton; lõi giấy vệ sinh, giấy bọc gói, bì thư, biên lai, khay đựng trứng bằng giấy,...; các loại bao bì giấy khác không nhiễm bẩn.

b) Nhựa thải: Bao bì nhựa đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,... (không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại); các loại ghế nhựa, thau, chậu nhựa; ly, cốc nhựa và các loại vật dụng bằng nhựa thải khác.

c) Kim loại thải: Bao bì nhôm, sắt hoặc kim loại khác đựng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại); đồ dùng nhà bếp bằng kim loại như: xoong, nồi, niêu, ấm nước, bếp gas, vật dụng nhỏ như bát, đĩa, thìa, đĩa...; các loại vật dụng kim loại thải khác.

d) Thủy tinh thải: Chai, lọ thủy tinh đựng bia, rượu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, sản phẩm dùng trong gia dụng, nông nghiệp, y tế,...(không bao gồm bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại); bình hoa, đồ trang trí bằng thủy tinh, pha lê; thủy tinh thải khác.

đ) Vải, đồ da: Quần áo, phụ kiện; giày, dép, vali; chăn, màn, rèm cửa bằng vải,...(không dính thuốc bảo vệ thực vật, axit, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại).

e) Đồ gỗ: Đồ chơi; vật trang trí, đồ gia dụng, hộp, khay,... bằng gỗ.

g) Cao su: Đồ chơi bằng cao su; săm, lốp, vật dụng bằng cao su các loại.

h) Thiết bị điện, điện tử thải bỏ: Các thiết bị điện, điện tử nhỏ (máy ảnh và máy ghi hình; điện thoại di động và điện thoại để bàn; dây cáp và phụ kiện máy tính; bảng điều khiển trò chơi; đồ chơi điện tử; máy tính cầm tay; bàn phím; máy tính xách tay và máy tính bảng; máy nhắn tin; bộ đàm, đèn led, đèn halogen,...); các thiết bị điện, điện tử lớn (máy tính để bàn và màn hình; máy fax; máy in và máy quét; dàn âm thanh và loa; tivi; máy đánh chữ; đầu đĩa VCR/DVD, tấm quang năng,...; tủ lạnh, tủ đông, máy điều hòa, máy giặt, máy rửa bát, quạt điện, quạt sưởi, bếp điện, bếp từ, lò nướng, nồi cơm điện,...).

2. Nhóm chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm, thủy, hải sản.

3. Nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác

a) Chất thải công kênh: Tủ, giường, nệm, bàn ghế, sofa cũ hỏng...; tủ sắt, khung cánh cửa,...; gốc cây, thân cây, cành cây và vật dụng khác tương tự.

b) Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sinh hoạt: Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini...; sơn, mực, chất kết dính (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh; các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải; các loại pin, ắc quy thải.

c) Chất thải khác còn lại: Là các loại chất thải phát sinh trong hoạt động sinh hoạt mà hộ gia đình, cá nhân không xác định được là thuộc các nhóm quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

4. Kỹ thuật phân loại được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tại văn bản số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 về việc hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt và các hướng dẫn kỹ thuật liên quan của Bộ.

5. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt cần phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, công nghệ xử lý chất thải hiện có, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và nguồn lực tài chính của địa phương. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ hạ tầng xử lý chất thải thực phẩm của Thành phố và mô hình xử lý địa phương để quyết định việc phân loại chất thải thực phẩm.

## **Điều 6. Bao bì, thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt**

1. Bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại hộ gia đình, cá nhân

a) Bao bì chứa nhóm chất thải thực phẩm có tổng thể màu xanh lá cây nhưng vẫn dễ nhận diện được loại chất thải chứa bên trong, bảo đảm tránh rò rỉ nước và phát tán mùi; khuyến khích loại bao bì được sản xuất từ vật liệu dễ phân hủy và dễ nhận diện được loại chất thải chứa bên trong.

b) Bao bì chứa nhóm chất thải khác còn lại có tổng thể màu xám nhưng vẫn dễ nhận diện được loại chất thải chứa bên trong, khuyến khích loại bao bì được sản xuất từ vật liệu dễ phân hủy.

c) Nhóm chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt được lưu chứa trong bao bì (trừ bao bì có màu xanh lá cây và màu xám), có khả năng chống ăn mòn, có khả năng chống thấm, không rò rỉ ra ngoài môi trường.

d) Hộ gia đình, cá nhân tự quyết định việc sử dụng các loại bao bì (trừ bao bì có màu xanh lá cây và màu xám), thiết bị lưu giữ, chứa nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (nếu cần thiết).

đ) Hộ gia đình, cá nhân phải tự trang bị bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt để lưu giữ và chuyển giao theo khoản 2 Điều 7 quy định này. Các bao bì chứa chất thải phải được buộc kín miệng túi, gạt bỏ nước trong rác trước khi chuyển giao, bảo đảm không rò rỉ, ngăn ngừa mùi phát tán.

## 2. Thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực công cộng

Trên các đường phố chính, công viên, khu vui chơi giải trí, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người phải bố trí các thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, có dán nhãn nhận biết và thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt, cụ thể:

a) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế có màu xanh nước biển và có dòng chữ “CHẤT THẢI RẮN TÁI CHẾ”.

b) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải khác còn lại có màu xám và có dòng chữ “CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT KHÁC CÒN LẠI”.

c) Địa điểm, vị trí, khu vực bố trí, kích thước thùng, thiết bị lưu chứa do tổ chức quản lý khu vực công cộng tự lựa chọn theo hiện trạng thực tế, bảo đảm vệ sinh môi trường và mỹ quan xung quanh.

## 3. Thùng, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu chợ truyền thống, khu chung cư, khu trung tâm thương mại kết hợp chung cư, khu trung tâm thương mại

Chủ đầu tư, Ban quản lý chợ truyền thống, khu chung cư, khu trung tâm thương mại kết hợp chung cư, khu trung tâm thương mại, phải bố trí trong khuôn viên khu vực lưu chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại bảo đảm thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân sinh hoạt tại các khu trên theo quy định tại các điểm a, b, c Khoản 2 Điều này và quy định sau:

a) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải thực phẩm có màu xanh lá cây và có dòng chữ “CHẤT THẢI THỰC PHẨM”.

b) Thùng, thiết bị lưu chứa nhóm chất thải rắn nguy hại có màu cam và có dòng chữ “CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI”. Các chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các thiết bị lưu chứa phù hợp, có biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại theo quy định.

c) Kích thước thùng, thiết bị lưu chứa do tổ chức quản lý khu vực tự lựa chọn theo hiện trạng thực tế, có kích thước phù hợp với lượng chất thải, thời gian lưu giữ, bảo đảm vệ sinh môi trường và mỹ quan xung quanh.

## 4. Bao bì (túi) phải được buộc kín, thiết bị lưu giữ (thùng) phải có nắp đậy kín để bảo đảm không phát tán mùi và có dán biển cảnh báo thông tin trên thân thùng. Khuyến khích bổ sung các chữ nhỏ hoặc hình ảnh liệt kê cơ bản các loại

chất thải rắn sinh hoạt bên dưới các chũr chất thải có thể tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác để thuận tiện cho việc người dân phân loại vào các thùng rác.

5. Điểm tập kết chất thải rắn công kênh do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định, bảo đảm mỗi phường/xã có tối thiểu 01 (một) vị trí. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

### **Điều 7. Phương án tập kết, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt**

Việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 75 Luật số 72/2020/QH14 và các yêu cầu sau:

#### 1. Thời gian tập kết chất thải rắn sinh hoạt

a) Tại các đô thị trên địa bàn Thành phố: Hộ gia đình, cá nhân có thể chuyển giao trực tiếp hoặc chỉ được đặt, để bao bì có chứa chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí quy định phù hợp cho việc thu gom của đơn vị nhận thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong khoảng thời gian từ 18 giờ đến 22 giờ vào các ngày theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Tại các khu vực nông thôn: Thời gian, vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo kế hoạch, phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Vị trí để sẵn bao bì/thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường, mỹ quan, không ảnh hưởng đến giao thông khu vực, không tập kết vào thời điểm mưa lớn có khả năng gây úng ngập, gần các hố ga thoát nước.

d) Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì việc tập kết chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

#### 2. Phương án chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

a) Nhóm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: phân loại vào túi riêng và chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ tại nhà và định kỳ mang đến điểm thu mua tập trung do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.

b) Nhóm chất thải thực phẩm có thể làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi hoặc chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c) Nhóm chất thải công kênh: Khi có phát sinh phải liên hệ với tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn để thỏa thuận chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định và chi trả giá dịch vụ hoặc tự vận chuyển đến điểm thu gom tập trung do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định với thời gian nhất định và không phải chi trả chi phí. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí

ít nhất 01 (một) điểm tập kết trên địa bàn để lưu giữ chất thải công kênh phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân; thông báo số điện thoại liên hệ của đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để các hộ gia đình/cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn công kênh.

d) Nhóm chất thải nguy hại trong sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân được phân loại và lưu giữ tại nhà hoặc mang đến điểm thu gom tập trung theo lịch định kỳ do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định. Hộ gia đình, cá nhân không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

đ) Nhóm chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại được chuyển giao cho đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

e) Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, điều kiện cung ứng dịch vụ thực tế và ý kiến của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và tổ trưởng tổ dân phố/khu phố/ban quản lý chung cư/trưởng thôn, xóm xác định vị trí, thời gian bỏ rác của cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt phù hợp.

### **Điều 8. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật số 72/2020/QH14 và Quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, phương tiện phù hợp tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại; thời gian hoạt động trên các tuyến đường phố thực hiện theo Quy trình kỹ thuật của Ủy ban nhân dân Thành phố và tuân thủ quy định giao thông vận tải. Ngoài thời gian hoạt động theo quy định này, trường hợp phải thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đột xuất phải có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố; không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm nguy cơ ùn tắc giao thông, mất an toàn giao thông, mất mỹ quan đô thị. Có phương án tối ưu để giảm các điểm tập kết xe gom.

3. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Ngoài thực hiện các quy định này, yêu cầu đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố như sau:

a) Phương tiện vận chuyển chất thải thực phẩm phải có dòng chữ “CHẤT THẢI THỰC PHẨM”. Dòng chữ có kích thước mỗi chiều ít nhất 20 cm, có thể sơn trực tiếp hoặc thiết kế dạng bảng có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và dán (gắn) ít nhất ở 02 bên của phương tiện; có màu xanh lá cây, không bị mờ và phai màu.

b) Phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt khác phải có dòng chữ “CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT KHÁC”. Dòng chữ có kích thước mỗi chiều ít nhất 20cm, có thể sơn trực tiếp hoặc thiết kế dạng bảng có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và dán (gắn) ít nhất ở 02 (hai) bên của phương tiện; có màu xám, không bị mờ và phai màu.

c) Trường hợp phương tiện thu gom chung 02 (hai) nhóm chất thải (chất thải thực phẩm và chất thải sinh hoạt khác) phải bố trí 02 (hai) ngăn chứa riêng biệt đối với 02 (hai) nhóm chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại, có biển báo màu vàng với dòng chữ: “CHẤT THẢI THỰC PHẨM VÀ CHẤT THẢI SINH HOẠT KHÁC”.

d) Việc vận chuyển chất thải công kênh trên các phương tiện vận chuyển phải đáp ứng quy định về kích thước hàng hóa trên xe theo quy định về giao thông vận tải.

đ) Việc vận chuyển chất thải nguy hại trong sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân được thực hiện theo khoản 4 Điều 83 Luật số 72/2020/QH14, Điều 69 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định 08/2022/NĐ-CP), Điều 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ điều kiện thực tế của địa phương tổ chức ký hợp đồng với cơ sở xử lý chất thải nguy hại để thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.

e) Ưu tiên tối đa phương thức thu gom, vận chuyển bằng cơ giới, thu gom trực tiếp, thu gom sử dụng compactor, điểm chuyển tải, trạm trung chuyển thay thế các điểm tập kết (điểm cầu) gây ô nhiễm, ách tắc giao thông. Chuyển đổi phương tiện giao thông “xanh” trên địa bàn Thành phố nhằm cải thiện chất lượng không khí: xây dựng lộ trình chuyển đổi và phát triển phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố. Phấn đấu chậm nhất đến năm 2030 hoàn thành việc chuyển đổi toàn bộ phương tiện thu gom, vận chuyển chạy xăng, dầu sang sử dụng điện, năng lượng xanh trên địa bàn Thành phố; trước mắt, xem xét nghiên cứu áp dụng cho khu vực trong Vành đai 1 từ ngày 01/7/2026 và mở rộng phạm vi phù hợp với định hướng hình thành các khu vực phát thải thấp.

4. Những khu vực có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (bao gồm cả chất thải rắn công kênh và chất thải rắn sinh hoạt có trộn lẫn chất thải rắn xây dựng) không đúng nơi quy định, tồn lưu nhiều ngày gây ô nhiễm môi trường hoặc mất mỹ quan khu vực thì quản lý như sau:

a) Đối với khu vực đất thuộc quyền sử dụng, quản lý của cá nhân, tổ chức: Cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định hiện hành; trong trường hợp để tồn đọng và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên các khu đất này thì phải chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị cung

ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và phun xịt khử mùi (nếu cần) trong vòng 36 giờ từ khi có phản ánh hoặc yêu cầu của chính quyền địa phương.

b) Đối với khu vực đất do Nhà nước quản lý và các khu đất của các cá nhân, tổ chức chưa đưa đất vào sử dụng mà chủ sử dụng đất không có mặt tại địa phương hoặc chưa tìm được chủ sử dụng đất: Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động giao đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý tổ chức thu gom, vận chuyển về khu xử lý và phun xịt khử mùi (nếu cần), chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường.

5. Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố, hướng dẫn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện.

6. Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có quyền từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Việc lựa chọn chủ đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được xử lý như sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thu gom chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế từ hộ gia đình, cá nhân hoặc các điểm tập trung do chính quyền địa phương bố trí để thu gom, chuyển giao lại cho các cơ sở có chức năng tái sử dụng, tái chế.

b) Chất thải thực phẩm được xử lý theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Tái sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; (ii) Chuyển giao cho cơ sở chăn nuôi, cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi, cơ sở nuôi trồng thủy sản; (iii) Xử lý chất thải thực phẩm thành mùn hữu cơ/phân hữu cơ/thu hồi năng lượng sinh khối (biogas); (iv) Cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thực hiện thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý theo quy định.

c) Đối với chất thải công kênh: Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện phân rã, phân loại chất thải rắn sinh hoạt và căn cứ tính chất của từng loại chất thải sau khi phân rã, phân loại để xử lý riêng từng loại phù hợp, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

d) Chất thải nguy hại: Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng với cơ sở xử lý chất thải nguy hại đã được cấp giấy phép môi trường hoặc giấy phép môi trường có thành phần phù hợp với mã chất thải nguy hại cần được xử lý để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

đ) Chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại: Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thực hiện thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Thành phố.

e) Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã nghiên cứu xây dựng các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại văn bản số 1760/BNMT-MT ngày 06/5/2025 hướng dẫn mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị và nông thôn và các hướng dẫn kỹ thuật có liên quan của Bộ.

4. Căn cứ công nghệ xử lý, khả năng tiếp nhận của các khu xử lý, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm điều phối phân luồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt tới các khu xử lý cho phù hợp.

### **Chương III** **GIÁ DỊCH VỤ**

#### **Điều 10. Giá dịch vụ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 29 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt lập phương án giá theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá. Thực hiện thẩm định phương án giá và trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

#### **Điều 11. Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố theo khối lượng hoặc thể tích chất thải thông qua việc cân xác định khối lượng hoặc theo thể tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt hoặc theo giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt. Tùy vào điều kiện của Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Hình thức thu thông qua việc cân xác định khối lượng

a) Khi thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cân và thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại (không bao gồm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng và chất thải nguy hại đã được phân loại riêng) của cá nhân, hộ gia đình trong một khoảng thời gian do các bên tự thỏa thuận để làm cơ sở xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu giá dịch vụ.

b) Khi chưa thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình để thu giá dịch vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành được tính theo quy chuẩn hiện hành về lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bình quân đầu người và bình quân nhân khẩu của một hộ gia đình.

### 3. Hình thức thu thông qua thẻ tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt

a) Khi thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thống kê số lượng, loại thẻ tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại (không bao gồm chất thải rắn có khả năng tái chế, tái sử dụng và chất thải nguy hại đã được phân loại riêng) của cá nhân, hộ gia đình trong một khoảng thời gian do các bên tự thỏa thuận để làm cơ sở xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu giá dịch vụ.

b) Khi chưa thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình để thu giá dịch vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành được tính theo quy chuẩn hiện hành về lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bình quân đầu người và bình quân nhân khẩu của một hộ gia đình.

### 4. Hình thức thu thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt

Cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt. Giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt (đồng/túi) sẽ bao gồm giá thành sản xuất bao bì và giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt khác nhau theo các dung tích khác nhau. Cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải quyết định chọn mua bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt với số lượng, dung tích bao bì phù hợp với nhu cầu.

## **Điều 12. Tổ chức thu giá dịch vụ**

### 1. Nguyên tắc

a) Việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải được tổ chức thực hiện minh bạch, tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

b) Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện thu giá dịch vụ từ cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, cộng đồng dân cư nhưng phải bảo đảm tính công khai, chính xác, đúng quy định và trách nhiệm các bên liên quan.

## 2. Phương thức tổ chức thu giá dịch vụ

a) Trường hợp thu giá dịch vụ thông qua cân xác định khối lượng hoặc thể tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt

Đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn nào sẽ chịu trách nhiệm tổ chức thu giá dịch vụ tại địa bàn đó. Các đơn vị cung ứng dịch vụ phải thỏa thuận và xác định các phương thức thu để bảo đảm nguyên tắc tổ chức thu giá dịch vụ được nêu tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp thu giá dịch vụ thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt

Việc thu giá dịch vụ qua bao bì được tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 30 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc quy định pháp luật thay thế (nếu có) và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

## 3. Quản lý, sử dụng số tiền thu giá dịch vụ

a) Toàn bộ nguồn thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định được quản lý, sử dụng cụ thể như sau:

- Chi cho công tác thu giá và công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện thu giá của các đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn nhằm xác định rõ nguyên nhân, làm căn cứ để yêu cầu các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường có trách nhiệm bù số kinh phí không thu được tương ứng với trách nhiệm của đơn vị thu trong trường hợp nguyên nhân do các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường chưa chủ động, tích cực trong công tác thu giá. Tỷ lệ chi phí đối với nội dung này không vượt quá 10% trên tổng số nguồn thu được và thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn theo thứ tự ưu tiên: chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo lộ trình thu giá; phần còn lại (nếu có) chi cho công tác vệ sinh công cộng trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ nguyên tắc quản lý, sử dụng quy định tại điểm a khoản này để ký hợp đồng với các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn. Nguồn thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng để chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn theo lộ trình thu giá; đồng thời được khấu trừ vào giá trị thanh toán theo Hợp đồng duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phường, xã hàng năm.

## 4. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã

- Hằng năm, giao chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cho các đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường bảo đảm sát với thực tế phát sinh và phù hợp dự toán chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc thực hiện thu giá của các đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường để nâng cao chất lượng dịch vụ. Tổ chức tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân dân trong việc thực hiện thu nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đầy đủ và tham gia giám sát chất lượng dịch vụ vệ sinh môi trường do các đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường thực hiện.

- Hướng dẫn tổ chức thu và quản lý, sử dụng nguồn thu được từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt để thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước và chi cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng theo quy định.

b) Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn

- Xây dựng phương án và tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

- Định kỳ báo cáo kết quả thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn với Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 30 hằng tháng để giám sát thực hiện. Báo cáo quyết toán thu hàng năm chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 của năm liền kề sau năm báo cáo.

#### **Chương IV**

### **ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

#### **Điều 13. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt**

1. Các điểm tập kết phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa được xác định trong đồ án Quy hoạch xây dựng cần phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã để bố trí.

2. Mỗi phường, xã phải rà soát, bố trí quỹ đất và chịu trách nhiệm đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với phương thức và khối lượng thu gom trên địa bàn.

3. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, thời gian tập kết, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp; bảo đảm an toàn giao thông, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nghiên cứu sử dụng phương thức thu gom trực tiếp; xóa dần các điểm cầu trên địa bàn. Lộ trình đến hết năm 2030 phải thực hiện trên toàn bộ các tuyến, đường phố đủ điều kiện.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định danh mục các tuyến đường, phố đủ điều kiện áp dụng phương thức thu gom trực tiếp.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành điểm tập kết theo quy định tại Điều 17 của quy định này.

#### **Điều 14. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt cấp Thành phố phải phù hợp với Quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt cấp xã phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của xã, phường và các quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với trạm trung chuyển, điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Mỗi xã, phường phải bố trí quỹ đất và chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển, điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với phương thức và khối lượng thu gom trên địa bàn.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định vị trí, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển cấp xã.

5. Các phường nội đô ưu tiên sử dụng công nghệ trạm trung chuyển ngầm, bán ngầm hoặc ngầm hóa một số hạng mục công trình tại đô thị nhằm tiết kiệm diện tích sử dụng đất nhưng phải có thiết kế bảo đảm mỹ quan đô thị và không gây ô nhiễm môi trường.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành trạm trung chuyển theo quy định tại Điều 17 của quy định này.

#### **Điều 15. Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

1. Việc đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành của Thành phố và các quy hoạch có liên quan được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Ưu tiên triển khai đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2030 theo phân vùng tại Quy hoạch chất thải rắn Thủ đô: Vùng 1: Khu xử lý chất thải Nam Sơn; Vùng 2: Khu xử lý Châu Can; Vùng 3: Khu xử lý chất thải Xuân Sơn, Khu xử lý chất thải Núi Thoong.

3. Ưu tiên sử dụng các công nghệ hiện đại, tiết kiệm diện tích, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường. Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 28 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

4. Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo lộ trình.

## **Chương V**

### **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

#### **Điều 16. Ứng dụng công nghệ thông tin trong phân loại chất thải rắn sinh hoạt**

1. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt nhằm phân tích tính chất và thành phần của rác thải giúp tối ưu hóa quá trình phân loại rác và cải thiện quy trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiệu quả.

2. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp trong các thùng rác công cộng giúp giám sát, quản lý tình trạng đầy rác, chất lượng vệ sinh của thùng, phát hiện và quản lý tình trạng bới rác.

#### **Điều 17. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu gom, vận chuyển**

1. Các phương tiện cơ giới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố phải được lắp đặt thiết bị định vị, lắp đặt camera bảo đảm giám sát được quá trình tác nghiệp của phương tiện.

2. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát hoạt động tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Trạm trung chuyển chất thải rắn phải lắp đặt hệ thống camera giám sát; hệ thống, phần mềm để theo dõi, cập nhật khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và phương tiện thu gom, vận chuyển ra, vào trạm trung chuyển.

#### **Điều 18. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu**

1. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, lưu trữ, phân tích, dự báo số liệu, kiểm kê, quản lý, số hóa dữ liệu, chia sẻ và tiếp nhận số liệu, tích hợp trong các công cụ phần mềm chuyển đổi số của Thành phố giúp tăng khả năng giám sát, đánh giá và quản lý các hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt, bảo đảm tính hiệu quả và minh bạch của quy trình.

2. Số hóa, không gian hóa bản đồ thu gom, vận chuyển, xử lý để hoạch tuyến, xác định vị trí các điểm tập kết, trung chuyển, đặt thùng rác giúp tối ưu hóa quy trình thu gom, vận chuyển.

3. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc áp dụng công nghệ thông tin theo phân cấp về quản lý chất thải rắn.

**Điều 19. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thu gom**

1. Ủy ban nhân dân các phường áp dụng công nghệ số vào phát triển các công cụ thu gom dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Khuyến khích Ủy ban nhân dân các xã áp dụng công nghệ số vào phát triển các công cụ thu gom dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

**Điều 20. Ứng dụng công nghệ thông tin trong xử phạt vi phạm hành chính**

1. Sử dụng kết quả, dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, không đúng quy định, bới rác tại các điểm đặt thùng, điểm tập kết gây mất vệ sinh môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai lắp đặt hệ thống camera giám sát trên nhu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Lực lượng công an, cảnh sát, giao thông phối hợp chia sẻ dữ liệu từ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật do đơn vị quản lý.

**Chương VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 21. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Quy định này; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kế hoạch hằng năm cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Thành phố theo quy định.

c) Thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; trình Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại, kể cả chi phí bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã về bố trí các điểm thu gom chất thải nguy hại trong sinh hoạt của cộng đồng dân cư tại địa bàn.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; đánh giá hiện trạng, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố;

cập nhật và tích hợp cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải rắn sinh hoạt vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường của Thành phố.

e) Giám sát việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc phục hồi, tái sử dụng diện tích, chuyển đổi mục đích sử dụng và quan trắc môi trường của các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

g) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kiểm tra việc thực hiện các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố.

h) Phối hợp với các lực lượng chức năng thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố.

i) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương, hướng dẫn việc đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển bảo đảm đúng quy định, quy chuẩn. Thực hiện thỏa thuận việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

k) Tổ chức đấu thầu lựa chọn hoặc đặt hàng các đơn vị đủ năng lực thực hiện các công việc theo phân cấp và quản lý các gói thầu đúng quy định.

l) Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải cấp tỉnh theo quy định tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030; xây dựng lực lượng ứng phó sự cố chất thải, bảo đảm nguồn nhân lực, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố và sẵn sàng tham gia ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn Thành phố.

## 2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường về nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp môi trường hàng năm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Tài chính cân đối tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định.

b) Phối hợp tham gia ý kiến theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố.

c) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan về cơ chế tài chính đối với các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng nguồn vốn ngân sách.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài; tham mưu bố trí vốn từ nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư hạ

tăng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

đ) Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố cần kêu gọi đầu tư.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn chi tiết việc đấu thầu, đặt hàng lựa chọn đơn vị đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

### 3. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đưa nội dung giáo dục về bảo vệ môi trường; giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại tại nguồn, tái sử dụng, tái chế, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào tài liệu giáo dục ngoại khóa để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn Thành phố.

b) Tổ chức giảng dạy các kiến thức phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vào các chương trình ngoại khóa, nhằm tạo điều kiện cho học sinh hiểu được ý nghĩa của việc bảo vệ môi trường, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, phòng chống rác thải nhựa và tích cực tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại gia đình và nhà trường.

### 4. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tuyến đường chính, thời gian di chuyển của các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết, trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chấp thuận (hoặc cấp phép) cho các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của các đơn vị hoạt động theo đúng quy định (nếu cần).

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các phương tiện kinh doanh vận tải vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu xe chạy; tổ chức kiểm tra, giám sát trong quy trình hoạt động của phương tiện theo quy định.

### 5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố đưa vào kế hoạch khoa học công nghệ hàng năm các nhiệm vụ khoa học công nghệ về nghiên cứu xây dựng các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong hoạt động thu gom và xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt.

b) Tham gia cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ.

## 6. Sở Văn hoá và Thể thao

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Tuyên giáo Thành ủy và các Sở, ngành, đơn vị liên quan cung cấp thông tin; đề nghị các cơ quan báo chí Thành phố, báo chí Trung ương và địa phương ký Chương trình phối hợp công tác với Thành phố; chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tác hại của túi nilông khó phân hủy, sản phẩm nhựa dùng một lần đối với môi trường, khuyến khích sử dụng các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành, đơn vị liên quan tăng cường các tin, bài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các hoạt động về phân loại, tái chế, tái sử dụng, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

## 7. Thanh tra Thành phố

Thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố.

## 8. Công an Thành phố

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; kịp thời phát hiện và xử phạt các vi phạm hành chính hoặc điều tra khởi tố nếu có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

b) Phối hợp chia sẻ dữ liệu từ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật do đơn vị quản lý để phục vụ công tác giám sát, xử phạt các vi phạm hành chính hoặc điều tra khởi tố nếu có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

## 9. Các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng tại địa phương; kịp thời phát hiện các tổ chức, cá nhân, mô hình hay, điển hình và thiết thực để phổ biến, tuyên truyền nhân rộng.

## 10. Các sở, ban, ngành khác liên quan

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Thực hiện nghiêm các quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định này trong phạm vi của cơ quan, đơn vị.

## **Điều 22. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Chịu trách nhiệm về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng, giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường trên địa bàn theo phân cấp và theo quy định của pháp luật; chủ động bố trí nguồn vốn ngân sách cấp xã và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để tổ chức thực hiện theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

2. Ban hành kế hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp với tình hình phát sinh và thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của địa phương.

3. Tổ chức đấu thầu lựa chọn hoặc đặt hàng các đơn vị đủ năng lực thực hiện các công việc theo phân cấp bảo đảm các tiêu chí, lộ trình đổi mới của Thành phố và quản lý các gói thầu đúng quy định.

4. Tuyên truyền, phổ biến để người dân bỏ rác đúng giờ, đúng nơi quy định. Kiểm tra, xử phạt các hành vi bỏ chất thải rắn sinh hoạt không đúng giờ, đúng nơi quy định theo thẩm quyền và yêu cầu các tổ chức, cá nhân vi phạm buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không kịp thời phát hiện phải có trách nhiệm khôi phục lại tình trạng ban đầu.

5. Hằng năm, giao chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc, giám sát việc thực hiện thu giá bảo đảm thu đúng, đủ theo quy định của Thành phố.

6. Chỉ đạo thực hiện việc bố trí kinh phí đầu tư thiết bị thu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực công cộng và các điểm tập kết, trạm trung chuyển, điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đồng bộ với phương tiện vận chuyển chuyên dùng chất thải rắn sinh hoạt.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cộng đồng tích cực bảo đảm vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; chỉ đạo các đơn vị liên quan tham mưu xây dựng và triển khai các mô hình có hiệu quả trong phân loại tại nguồn, tái sử dụng và tái chế chất thải rắn sinh hoạt; các mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại địa phương; đảm bảo các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật trong thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo hướng dẫn; khuyến khích xã hội hóa về phân loại, thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng công trình, dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Định kỳ tổ chức các hoạt động ra quân về vệ sinh môi trường; tổ chức cho các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn ký cam kết và thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và giữ gìn vệ sinh môi trường.

9. Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm chuyên dụng, camera trong giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

10. Chịu trách nhiệm trong việc rà soát, tổng hợp, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng phải có hợp đồng thu gom, vận chuyển việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Lập danh sách các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày để theo dõi, giám sát việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo đúng đối tượng quy định.

11. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân cấp; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

12. Công bố rộng rãi số điện thoại đường dây nóng lĩnh vực môi trường của địa phương để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường; tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

13. Bố trí ít nhất 01 điểm thu gom chất thải nguy hại phát sinh trong sinh hoạt trên địa bàn và chịu trách nhiệm quản lý, chuyển giao cho cơ sở xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định; rà soát, bố trí quỹ đất và chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng các điểm tập kết, trung chuyển, điểm chuyển tải chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

14. Thống kê, rà soát, kiểm tra các điểm thu gom phế liệu (chất thải rắn có khả năng tái chế) trên địa bàn để hướng dẫn, đôn đốc công tác bảo đảm môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ. Yêu cầu các điểm thu gom phải chuyển giao phế liệu cho cơ sở có chức năng tái chế theo quy định.

15. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thỏa thuận việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi phê duyệt; hằng năm bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị công cộng phục vụ quản lý bảo vệ môi trường và chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng công trình, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

16. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm trong việc quản lý phạm vi an toàn về môi trường tại các Khu xử lý và các trạm trung chuyển trên địa bàn. Rà soát quy hoạch xây dựng để khoanh vùng an toàn môi trường, trong vùng an toàn môi trường chỉ được phép quy hoạch các chức năng phù hợp theo quy chuẩn, không được bố trí các công trình dân dụng khác.

17. Xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố chất thải rắn sinh hoạt (các trạm trung chuyển, các điểm tập kết, các phương tiện vận chuyển gặp sự cố gây hư hỏng kết hợp với mưa, bão, lũ bất thường làm tràn đổ, rò rỉ chất thải ra môi trường;...). Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với địa phương. Tổ chức huấn luyện, diễn tập định kỳ, sẵn sàng

lực lượng, phương tiện ứng phó kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, vật tư chuyên dụng để nâng cao năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả.

18. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trong năm; báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt hàng năm trên địa bàn. Định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20 tháng 01 của năm liền kề sau năm báo cáo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

**Điều 23. Trách nhiệm của cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt**

1. Quản lý, giữ gìn, bảo đảm vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao theo đúng gói thầu vệ sinh môi trường; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2. Phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; phải đi đúng tuyến, lộ trình cụ thể từ vị trí thu gom đến điểm xử lý.

3. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác kiểm tra, giám sát cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

4. Thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và công bố rộng rãi.

5. Từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phân loại và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố chất thải rắn sinh hoạt (các phương tiện vận chuyển gặp sự cố gây hư hỏng kết hợp với mưa, bão, lũ bất thường làm tràn đổ, rò rỉ chất thải ra môi trường;...). Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình thu gom, vận chuyển. Tổ chức huấn luyện, diễn tập định kỳ, sẵn sàng lực lượng, phương tiện ứng phó kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra. Đầu tư mua sắm trang thiết bị, phương tiện, vật tư chuyên dụng để nâng cao năng lực ứng phó, khắc phục hậu quả.

7. Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm liền kề sau năm báo cáo về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

**Điều 24. Trách nhiệm của các hộ gia đình, cá nhân trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nguồn**

1. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế thành nhiều loại tùy theo nhu cầu và mục đích tái sử dụng, tái chế; khuyến khích vệ sinh làm sạch bao bì, hộp, chai lọ thải trước khi phân loại và chuyển giao để tái chế hoặc xử lý.

2. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; lưu trữ, chuyển giao chất thải rắn đã được phân loại bảo đảm đúng thời gian, đúng phương thức theo quy định.

3. Thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng rác công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định khi có nhu cầu thải bỏ trong quá trình di chuyển hoặc tại các khu vực công cộng.

4. Đối với những loại chất thải sinh hoạt có điểm thu hồi theo quy định của nhà sản xuất cần được thu gom, lưu giữ riêng và vận chuyển đến điểm thu hồi của nhà sản xuất theo hướng dẫn.

5. Phân loại riêng chất thải nguy hại từ chất thải rắn sinh hoạt; lưu chứa chất thải nguy hại trong bao bì an toàn và chuyển giao đến điểm thu gom chất thải nguy hại chung của xã, phường, thị trấn hoặc chuyển giao theo quy định của địa phương.

6. Khuyến khích hộ gia đình, tổ chức, cá nhân thực hiện các biện pháp giảm phát sinh chất thải thực phẩm thông qua lựa chọn, bảo quản, chế biến phù hợp và sử dụng tiết kiệm lương thực, thực phẩm. Đối với khu vực nông thôn, khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, ủ làm phân hữu cơ hoặc làm chất cải tạo đất.

7. Chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định.

8. Có quyền giám sát và phản ánh với chính quyền địa phương khi phát hiện các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thực hiện không đúng thời gian, tần suất thu gom hoặc địa điểm xử lý theo quy định

### **Điều 25. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp**

1. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; tái chế, tái sử dụng, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

### **Điều 26. Việc sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

